

Bản án số: 477/2024/DS-PT

Ngày: 10/9/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền và
hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất,
hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Quang Sơn

Bà Nguyễn Thị Rên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Mai - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2024/TLPT-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng ủy quyền và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 173/2024/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3350/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Số 209/10A khu phố A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Minh N, sinh năm 1999. Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Tấn T
- Luật sư Văn phòng Luật sư Võ Tấn T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ: Số 25 đường A, phường B, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

2. Bị đơn:

- 2.1. Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1987; (có mặt)
 - 2.2. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1965; (có mặt)
- Cùng địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện L, tỉnh Bến Tre.

* **Người kháng cáo:** Ông Phạm Văn Q là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

* Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/8/2022, bà Nguyễn Thị Hồng N có vay của ông Phạm Văn Q số tiền 600.000.000 đồng, vay không thời hạn, lãi 4%/tháng, trả lãi hàng tháng 24.000.000 đồng, trả lãi đầu tháng (khi nhận tiền là đã trả lãi tháng đầu tiên).

Để đảm bảo cho khoản vay này, ông Q yêu cầu bà N làm giấy ủy quyền toàn phần cho ông các thửa đất 473, 475, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre do bà N đứng tên để làm tin.

Bà N đồng ý và làm hợp đồng ủy quyền số: 7583, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/8/2022 tại Văn phòng Công chứng Huỳnh Đoàn Ngọc H ủy quyền cho ông Phạm Văn Q 02 thửa đất nói trên.

Sau khi vay tiền và đóng lãi đến tháng 11/2022 thì bà N trả được 200.000.000 đồng. Sau đó cũng trong tháng 11 bà N vay lại 100.000.000 đồng. Số tiền bà N nợ ông Q lúc này là 500.000.000 đồng. Bà N đóng lãi liên tục đến tháng 8/2023 thì không đóng lãi nữa. Trong các lần đóng lãi là chuyển khoản qua Ngân hàng và 01 lần trả tiền mặt 25.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi bà N đã đóng được 232.000.000 đồng. Sau này bà N phát hiện ông Q đã chuyển nhượng 02 thửa đất trên cho ông Phạm Văn H là cha của ông Q.

Do đây là hợp đồng vay và hiện tại bà N vẫn canh tác quản lý đất, trên đất có nhà của bà N. Do vậy, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy hợp đồng ủy quyền giữa bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Phạm Văn Q số: 7583, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/8/2022 tại Văn phòng Công chứng Huỳnh Đoàn Ngọc H.

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà Nguyễn Thị Hồng N (đại diện là ông Phạm Văn Q) với ông Phạm Văn H số chứng: 583 lập ngày 24/7/2023 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre đối với thửa 473, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre.

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà Nguyễn Thị Hồng N (đại diện là ông Phạm Văn Q) với ông Phạm Văn H số chứng: 640 lập ngày 15/8/2023 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre đối với thửa 475, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre.

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi, điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nói trên cho bà Nguyễn Thị Hồng N.

Đối với việc ông Phạm Văn Q yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng N trả lại số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi 1,66%/tháng tính từ ngày 16/6/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án, tạm tính đến ngày 16/3/2024 là 106.500.000 đồng thì bà N không đồng ý. Bà N đề nghị Tòa án tính lại tiền lãi đối với khoản vay này từ khi vay đến nay theo lãi suất 20%/năm, số tiền lãi đóng dư thì trừ vào số tiền nợ gốc.

** Trong đơn phản tố, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (ông Q) và người đại diện của ông Q trình bày:*

Ngày 15/8/2022, ông Q có cho bà N vay 600.000.000 đồng, lãi 4%/tháng như bà N trình bày. Bà N đóng lãi được hai tháng, tháng thứ ba (tháng 11/2022) thì bà chỉ đóng được 14.000.000 đồng, nợ lại 10.000.000 đồng. Đầu tháng 11/2022, bà N có trả cho ông Q 200.000.000 đồng. Sau đó ngày 11/11/2022 và ngày 05/12/2022 thì bà N vay lại 100.000.000 đồng (vay lại trong 02 lần, mỗi lần 50.000.000 đồng). Từ tháng 12/2022 trở đi thì bà N nợ ông Q 500.000.000 đồng, lãi 4%/tháng và bà N có trả lãi cho ông Q nhưng trả không đủ, không đúng ngày, trả không đều và hiện tại ông Q không nhớ là bà N đã trả được bao nhiêu tiền lãi.

Do bà N vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên ông Q sang tên 02 thửa đất nói trên cho cha ruột là ông H. Do bà N còn nợ tiền ông Q nên ông không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy các hợp đồng ủy quyền, hợp đồng chuyển nhượng đất. Bà N phải trả xong tiền cho ông thì ông sẽ tự có cách sang tên đất lại cho bà N.

Nay ông Q yêu cầu bà N trả lại số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi 1,66%/tháng tính từ ngày 15/6/2023 cho đến ngày hôm nay (10/7/2024) là 106.500.000 đồng. Đối với số tiền lãi mà bà N đã đóng từ ngày 15/6/2023 trở về trước là đóng lãi theo sự thỏa thuận giữa hai bên nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lại tiền lãi thì ông Q không đồng ý.

** Trong đơn, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (ông H) trình bày:*

Trước đây ông có mua của con trai ông là Phạm Văn Q 02 thửa đất tranh chấp này. Ông đã giao cho ông Q 885.000.000 đồng (chung 02 thửa, không có tính riêng từng thửa). Ông giao tiền mặt, là cha con nên không có làm biên nhận. Lúc mua đất thì ông, ông Q, bà N cùng chỉ ranh.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải giao 02 thửa đất trên cho ông. Trường hợp bà N muốn chuộc lại đất thì phải trả lại cho ông số tiền 885.000.000 đồng.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 173/2024/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng N.

1.1. Hủy hợp đồng ủy quyền giữa bà và ông Phạm Văn Q số: 7583, quyền số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/8/2022 tại Văn phòng Công chứng Huỳnh Đoàn Ngọc H.

1.2. Hủy hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà Nguyễn Thị Hồng N (đại diện là ông Phạm Văn Q) với ông Phạm Văn H số chứng: 583 lập ngày 24/7/2023 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre đối với thửa 473, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre.

1.3. Hủy hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà Nguyễn Thị Hồng N (đại diện là ông Phạm Văn Q) với ông Phạm Văn H số chứng: 640 lập ngày 15/8/2023 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre đối với thửa 475, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre.

Bà N được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh (thu hồi, cấp lại) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nói trên cho bà khi có yêu cầu.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn là ông Phạm Văn Q.

2.1. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N trả lại cho ông Phạm Văn Q số tiền nợ gốc là 385.980.000 đồng và số tiền lãi là 82.227.000 đồng. Tổng cộng là 468.207.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn Q đối với số tiền lãi chênh lệch là 138.293.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/7/2024, bị đơn ông Phạm Văn Q kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Bị đơn ông Phạm Văn Q trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tính lại tiền lãi của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông.

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Minh Nhật trình bày:*

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Võ Tấn Trung trình bày:*

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đây là hợp đồng vay tài sản nên hủy hợp đồng ủy quyền, hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là đúng. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của ông Q đã thừa nhận số tiền lãi mà bà N đã trả cho ông Q, vì vậy sau khi trừ số tiền lãi mà bà N đã trả dư thì số tiền nợ gốc còn lại của bà N là 385.980.000 đồng và bà N phải chịu tiền lãi đối với số tiền còn nợ cho ông Q theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Bị đơn ông Phạm Văn H trình bày:*

Thông nhất với ý kiến trình bày của ông Q. Bà N phải trả xong tiền cho ông thì mới được hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn Q, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 173/2024/DS-ST ngày 10/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xét kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn Q và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà N khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền giữa bà với ông Q ngày 16/8/2022, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà (do ông Phạm Văn Q là người đại diện) với ông H đối với thửa 473, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre ngày 24/7/2023 và đối với thửa 475, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre ngày 15/8/2023, nguyên đơn đồng ý trả nợ vay cho ông Q nhưng có yêu cầu tính lại tiền lãi theo lãi suất 1,66%/tháng. Phía bị đơn ông Q có đơn phản tố yêu cầu bà N phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi 1,66%/tháng

tính từ ngày 15/6/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án là 106.500.000 đồng, ông Q không đồng ý yêu cầu tính lại tiền lãi của bà N.

[2] Căn cứ Văn bản thỏa thuận ngày 15/8/2022 và lời thừa nhận của bà N, ông Q có cơ sở xác định việc bà N lập hợp đồng ủy quyền cho ông Q ngày 16/8/2022 là xuất phát từ việc vay mượn tiền giữa bà N và ông Q. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy hợp đồng ủy quyền giữa bà với ông Q ngày 16/8/2022, hủy 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa 473, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre giữa bà (do ông Phạm Văn Q là người đại diện) với ông H ngày 24/7/2023 và đối với thửa 475, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre ngày 15/8/2023 là đúng quy định pháp luật.

[3] Ông Q kháng cáo cho rằng bà N yêu cầu tính lại tiền lãi nhưng không thực hiện nghĩa vụ đóng tiền tạm ứng án phí nên xem như vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của bà N. Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 03/5/2024, ông Q có đơn phản tố và được Tòa án thụ lý theo Thông báo về việc thụ lý yêu cầu phản tố số 42A/TB-TLVA ngày 07/5/2024. Sau khi nhận được thông báo này, bà N đồng ý trả nợ cho ông Q nhưng có yêu cầu tính lại tiền lãi vì bà cho rằng bà đã trả tiền lãi cho ông Q với lãi suất 4%/tháng là vượt quá quy định pháp luật nên đây là ý kiến của bà N đối với yêu cầu phản tố của ông Q, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của bà N.

[4] Ông Q yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm trong trường hợp tính lại tiền lãi thì tính lãi trên số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng bà N còn nợ kể từ ngày 16/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, sau đó mới trừ số tiền lãi vượt quá mà ông đã nhận của bà N. Xét thấy, theo lời trình bày của các bên thì lãi suất mà bà N phải trả cho ông Q với mức 4%/tháng là cao hơn lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Căn cứ Điều 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 quy định "*Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn cao hơn mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn được pháp luật quy định thì mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn vượt quá không có hiệu lực; số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi; số tiền lãi đã trả vượt quá còn lại sau khi đã trừ hết nợ gốc thì được trả lại cho bên vay*". Vì vậy, sau khi xác định số tiền lãi mà bà N đã đóng cho ông Q là 202.000.000 đồng và số tiền lãi theo quy định pháp luật là 20%/năm (1.66%/tháng) để xác định số tiền lãi vượt quá mà bà N trả cho ông Q là 114.020.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm đã khấu trừ số tiền lãi mà bà N đã đóng dư để xác định đến ngày 15/6/2023 số tiền nợ gốc mà

bà N còn nợ ông Q là 385.980.000 đồng và bà N phải chịu lãi suất của số tiền này từ ngày 15/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 82.227.000 đồng là có căn cứ. Ông Q kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[5] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn Q.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 173/2024/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre. Cụ thể:

Căn cứ vào các Điều 138, 463, 466, 468, 469, 500, 357 Bộ luật Dân sự.

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Các Điều 147, 157, 165, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N.

1.1. Hủy hợp đồng ủy quyền giữa bà và ông Phạm Văn Q số: 7583, quyền số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/8/2022 tại Văn phòng Công chứng Huỳnh Đoàn N Hân.

1.2. Hủy hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà Nguyễn Thị Hồng N (đại diện là ông Phạm Văn Q) với ông Phạm Văn H số chứng: 583 lập ngày 24/7/2023 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre đối với thửa 473, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre.

1.3. Hủy hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà Nguyễn Thị Hồng N (đại diện là ông Phạm Văn Q) với ông Phạm Văn H số chứng: 640 lập ngày 15/8/2023 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre đối với thửa 475, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Hồng N được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh (thu hồi, cấp lại) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nói trên cho bà khi có yêu cầu.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phạm Văn Q.

2.1. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N trả lại cho ông Phạm Văn Q số tiền nợ gốc là 385.980.000đ (Ba trăm tám mươi lăm triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng) và số tiền lãi là 82.227.000đ (Tám mươi hai triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Tổng cộng là 468.207.000đ (Bốn trăm sáu mươi tám triệu hai trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn Q đối với số tiền lãi chênh lệch là 138.293.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu hai trăm chín mươi ba nghìn đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn ông Phạm Văn Q phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 2.131.000đ (Hai triệu một trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

4. Về án phí:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N phải nộp 22.728.000đ (Hai mươi hai triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng) tiền án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001392 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N phải nộp tiếp 21.828.000đ (Hai mươi mốt triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng).

- Bị đơn ông Phạm Văn Q phải nộp 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) tiền án phí đối với 03 hợp đồng bị hủy và 6.915.000đ (Sáu triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng) tiền án phí đối với số tiền lãi không được chấp nhận. Tổng cộng là 7.815.000đ (Bảy triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.800.000đ (Mười ba triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000824 ngày 03/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre. Hoàn trả cho ông Q số tiền chênh lệch sau khi khấu trừ là 5.985.000đ (Năm triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn Q phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001048 ngày 23/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện L (1b);
- Chi cục THADS huyện L (1b);
- Phòng KTNV và THA; VP (3b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt